

BÁO CÁO
TỔNG KẾT CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN CÔNG QUỐC GIA ĐẾN NĂM 2020
THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 1288/QĐ-TTg NGÀY 01 THÁNG 8 NĂM 2014
CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Thực hiện Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công, Bộ Công Thương đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01 tháng 8 năm 2014 phê duyệt Chương trình khuyến công quốc gia đến năm 2020 (Quyết định số 1288/QĐ-TTg).

Trên cơ sở báo cáo của các địa phương, đơn vị, Bộ Công Thương tổng hợp Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình khuyến công quốc gia đến năm 2020 theo Quyết định số 1288/QĐ-TTg như sau:

PHẦN I
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN CÔNG
QUỐC GIA THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 1288/QĐ-TTg

Công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn có vị trí chiến lược và là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Từ Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành Trung ương khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Đảng ta đã xác định: Trong mối quan hệ mật thiết giữa nông nghiệp, nông dân và nông thôn, nông dân là chủ thể của quá trình phát triển, xây dựng nông thôn mới gắn với xây dựng các cơ sở công nghiệp, dịch vụ và phát triển đô thị theo quy hoạch là căn bản; phát triển toàn diện, hiện đại hóa nông nghiệp là then chốt. Phát triển khu vực nông thôn và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân dựa trên cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phù hợp với điều kiện của từng vùng, từng lĩnh vực, để giải phóng và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực xã hội; khai thác tốt các điều kiện thuận lợi trong hội nhập kinh tế quốc tế cho phát triển lực lượng sản xuất tại khu vực nông thôn; phát huy cao nội lực; đồng thời tăng mạnh sự chia sẻ, hỗ trợ, đầu tư của Nhà nước và xã hội, phát triển nguồn nhân lực, ứng dụng nhanh các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến cho khu vực nông thôn.

Nhận thức được tầm quan trọng của việc phát triển công nghiệp ở nông thôn trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và xuất phát từ yêu cầu thực tiễn, trên cơ sở chủ trương, đường lối của Đảng, Bộ Công Thương đã nghiên cứu, xây dựng và trình Chính phủ ban hành Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 về khuyến công. Tiếp đó, ngày 01 tháng 8 năm 2014, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1288/QĐ-TTg về phê duyệt Chương trình KCQG đến năm 2020.

Theo đó, công tác khuyến công của cả nước những năm qua đã tích cực hướng các nội dung hoạt động nhằm góp phần thực hiện các mục tiêu mà Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X đã đề ra là: Phát triển mạnh công nghiệp, dịch vụ ở các vùng nông thôn theo quy hoạch. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển công nghiệp chế biến tinh, chế biến sâu gắn với vùng nguyên liệu và thị trường, đẩy mạnh sản xuất tiêu thủ công nghiệp, triển khai chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề. Phát triển nhanh nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học, công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực, tạo đột phá để hiện đại hoá nông nghiệp, công nghiệp hoá nông thôn.

I. CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HOẠT ĐỘNG KHUYẾN CÔNG

1. Công tác chỉ đạo, quán triệt, triển khai Chương trình

Sau khi Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công và Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình khuyến công quốc gia (KCQG) đến năm 2020 được ban hành; công tác chỉ đạo, quán triệt, triển khai Chương trình khuyến công đã được quan tâm thực hiện ở cả Trung ương và địa phương để nhanh chóng phát huy hiệu quả.

Ở Trung ương: Bộ Công Thương đã chỉ đạo Cục Công nghiệp địa phương nay là Cục Công Thương địa phương (Cục CTĐP) tổ chức thực hiện việc hướng dẫn, chỉ đạo, triển khai Chương trình tới các địa phương và các tổ chức dịch vụ khuyến công thông qua các: Hội nghị phổ biến văn bản quy phạm pháp luật về khuyến công; Hội nghị tập huấn về công tác khuyến công; Hội nghị khuyến công hàng năm tại các vùng, các khu vực và các Hội nghị, Hội thảo chuyên đề. Bộ Công Thương cũng giao Cục CTĐP làm đầu mối trong công tác kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện công tác khuyến công hàng năm tại các địa phương và các tổ chức dịch vụ khuyến công, qua đó đánh giá những kết quả tích cực để phát huy, nhân rộng và nắm bắt những bất cập, tồn tại để chỉ đạo, hướng dẫn, hỗ trợ tháo gỡ.

Ở địa phương: Ủy ban nhân dân (UBND) các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, UBND cấp huyện và các tổ chức kinh tế - chính trị xã hội liên quan tổ chức các Hội nghị, Hội thảo, Tập huấn chuyên đề để phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn. Trên cơ sở mục tiêu, chương trình, kế hoạch hoạt động khuyến công từng giai đoạn, Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã trình UBND cấp tỉnh ban hành Chương trình KCĐP đến năm 2020.

2. Công tác xây dựng, ban hành chủ trương, chính sách về khuyến công

Ở Trung ương, Bộ Công Thương đã phối hợp với các Bộ, ngành liên quan; ở các địa phương, Hội đồng nhân dân, UBND cấp tỉnh đã ban hành và chỉ đạo ban hành hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về khuyến công phù hợp với quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP; mục tiêu, giải pháp tại Quyết định số 1288/QĐ-TTg và các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội nói chung và công nghiệp thương mại nói riêng của quốc gia và từng địa phương.

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động khuyến công, Bộ Công Thương đã ban hành: Thông tư số 20/2017/TT-BCT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công; Thông tư số 17/2018/TT-BCT ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí KCQG; Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu; phối hợp với Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công thay thế Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT.

Ở địa phương: UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã chỉ đạo việc thực hiện, đồng thời xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về KCĐP như: Chương trình khuyến công giai đoạn đến năm 2020, Quy chế về việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế đối với hoạt động KCĐP, Quy chế xây dựng, tổ chức thực hiện và quản lý chương trình, kế hoạch, đề án KCĐP.... Kết quả cụ thể như sau:

- 57/63 tỉnh, thành phố đã phê duyệt Chương trình KCĐP giai đoạn đến năm 2020, chiếm 90,48%; 6/63 tỉnh, thành phố xây dựng và áp dụng kế hoạch khuyến công hàng năm, chiếm 9,52%.

- 63/63 tỉnh, thành phố đã phê duyệt quy chế về quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế đối với hoạt động KCĐP và/hoặc quy chế xây dựng, tổ chức thực hiện và quản lý chương trình, kế hoạch, đề án KCĐP để áp dụng triển khai thực hiện.

Một số địa phương cũng xây dựng, ban hành nhiều văn bản khác liên quan đến công tác khuyến công như Quy định về tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục xét tặng danh hiệu nghệ nhân nghề tiêu thủ công nghiệp cấp tỉnh; Quy định bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu các cấp;...

Ngoài ra, Bộ Công Thương, Cục Công Thương địa phương còn ban hành nhiều văn bản, tài liệu để hướng dẫn các địa phương, đơn vị xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, quản lý kinh phí KCQG và địa phương. Trong đó phải kể đến văn bản số 7540/BCT-CNĐP ngày 15 tháng 6 năm 2016 của Bộ Công Thương gửi UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc tiếp tục đẩy mạnh hoạt động khuyến công và tăng cường năng lực Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp ở địa phương. Theo đó, vai trò, vị trí của các cơ quan quản lý nhà nước về Công Thương ở địa phương được quán triệt, nâng cao một bước, tạo sự gắn kết giữa các cơ quan quản lý nhà nước với cộng đồng doanh nghiệp, cơ sở CNNT; tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và UBND các tỉnh, thành phố, sự vào cuộc của các cấp, các ngành ở địa phương, trong đó có vai trò nòng cốt trong công tác tham mưu, quản lý nhà nước của Sở Công Thương và triển khai thực hiện của Trung tâm Khuyến công cấp tỉnh.

3. Công tác phối hợp và phân công, phân cấp trong quản lý, điều hành thực hiện

Thực hiện theo quy định quản lý nhà nước về hoạt động khuyến công tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP và các nguyên tắc phân cấp quản lý nhà nước quy định tại Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về phân cấp quản lý nhà nước giữa Chính phủ và UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW; cho đến nay, công tác phân công, phân cấp thực hiện chương trình khuyến công đã được quy định cụ thể trong các văn bản quy phạm pháp luật về khuyến công từ Trung ương đến địa phương.

Ở Trung ương: Bộ Công Thương là cơ quan giúp Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khuyến công, cơ quan giúp Bộ Công Thương thực hiện chức năng này là Cục CTĐP. Trong quá trình triển khai kế hoạch, đề án KCQG, Bộ Công Thương phối hợp với các Bộ, ngành liên quan, tổ chức chính trị - xã hội, chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp... để thực hiện các hoạt động khuyến công. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính cũng đã thực hiện tốt vai trò chủ trì, quan tâm bố trí kinh phí sự nghiệp cho hoạt động KCQG hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; đồng thời phối hợp với Bộ Công Thương hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình.

Ở địa phương: UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã phân công, phân cấp cụ thể cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn trong việc thực hiện hoạt động khuyến công. Sở Công Thương là cơ quan giúp UBND cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khuyến công; Trung tâm Khuyến công là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Công Thương chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các hoạt động khuyến công. Bên cạnh đó, các cơ quan, đơn vị quản lý nhà nước về hoạt động khuyến công của các địa phương còn tổ chức

phối hợp với các tổ chức dịch vụ khuyến công như Hội Nông dân, Hội Liên hiệp phụ nữ... triển khai thực hiện các hoạt động khuyến công.

II. TỔ CHỨC HỆ THỐNG KHUYẾN CÔNG

1. Về tổ chức khuyến công Trung ương

Theo Nghị định số 45/2012/NĐ-CP, Cục CTĐP là cơ quan giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động khuyến công; tổ chức thực hiện chương trình, đề án KCQG hàng năm theo kế hoạch được Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt. Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp 1 trực thuộc Cục CTĐP là đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện triển khai các chương trình, đề án KCQG tại khu vực phía Bắc.

2. Về tổ chức khuyến công địa phương

Tính đến nay, 63/63 Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trên cả nước có đơn vị sự nghiệp trực thuộc (Trung tâm) triển khai thực hiện hoạt động khuyến công. Hệ thống khuyến công trên toàn quốc đã không ngừng được củng cố, trưởng thành, kết nối hoạt động thống nhất từ Trung ương đến địa phương và hoạt động ngày càng hiệu quả.

a) Về cán bộ làm công tác khuyến công

Theo báo cáo của các tỉnh, thành phố, tính đến nay, các Trung tâm thuộc Sở Công Thương thực hiện chức năng, nhiệm vụ về hoạt động khuyến công trên cả nước có tổng số cán bộ, viên chức đang làm việc là 1.308 người, bình quân 20.76 người/Trung tâm; tăng bình quân cả giai đoạn 2014-2020 là 5,93%; có 1.156 biên chế, chiếm 88.38% và 152 lao động hợp đồng, chiếm 11,62%. Số lao động có trình độ trên đại học là 195 người, chiếm 14,91%; trình độ đại học, cao đẳng là 1.013 người, chiếm 77,45%; trình độ trung, sơ cấp và công nhân kỹ thuật là 100 người, chiếm 7,64%.

Trong đó, số cán bộ thực tế được giao nhiệm vụ triển khai các hoạt động khuyến công đến cơ sở là 704 người, chiếm khoảng 53,82% tổng số cán bộ, viên chức đang làm việc tại các Trung tâm trên cả nước, với bình quân 11 người/Trung tâm. Đây chính là lực lượng nòng cốt để triển khai thực hiện hoạt động khuyến công trong những năm qua. Sự phát triển và hoạt động có hiệu quả của hệ thống tổ chức khuyến công đã khẳng định sự đúng đắn của chủ trương phát triển tổ chức dịch vụ khuyến công và hiệu quả hoạt động của hệ thống đáp ứng nhu cầu cấp thiết từ thực tế.

Tuy nhiên, so với yêu cầu nhiệm vụ thì số lượng cán bộ tại các Trung tâm còn thiếu, không đồng đều giữa các địa phương. Trong 63 tỉnh, thành phố: có 9/63 Trung tâm có số cán bộ trên 30 người trở lên (Hà Nội, Bắc Ninh, Ninh Bình, Cao Bằng, Lào Cai, Phú Thọ, Bình Dương, Đồng Nai, Tp. Hồ Chí Minh); 17/63 Trung tâm có số cán bộ từ 20-30 người; 31/63 Trung tâm có số cán bộ từ 10-19 người; còn lại 6/63 Trung tâm có số lao động dưới 10 người.

Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp 1 thuộc Cục CTĐP, làm nhiệm vụ xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các đề án KCQG trong khu vực phía Bắc với tổng số cán bộ hiện đang làm việc tại Trung tâm là 40 người.

b) Về tên gọi, nhiệm vụ chủ yếu của các Trung tâm Khuyến công

Theo báo cáo của các địa phương, đến hết năm 2020, tên gọi, nhiệm vụ chủ yếu của các Trung tâm Khuyến công như sau:

- Có 28/63 Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp và 01 Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp 1 thực hiện hai nhiệm vụ: (i) Triển khai thực hiện các hoạt động khuyến công theo Nghị định số 45/2012/NĐ-CP và Quyết định số 1288/QĐ-TTg; (ii) Tư vấn phát triển công nghiệp, chủ yếu là tư vấn đầu tư xây dựng các công trình công nghiệp và năng lượng tại địa phương,...; Kinh phí hoạt động do ngân sách Nhà nước cấp và các nguồn thu khác từ các hoạt động tư vấn.

- Có 03/63 Trung tâm Khuyến công, thực hiện nhiệm vụ chủ yếu là triển khai các hoạt động khuyến công theo Nghị định số 45/2012/NĐ-CP và Quyết định số 1288/QĐ-TTg (Bình Thuận, Cà Mau, Lai Châu). Kinh phí hoạt động chủ yếu do ngân sách Nhà nước cấp.

- Còn lại 32/63 Trung tâm ngoài thực hiện nhiệm vụ chính là khuyến công còn làm một số nhiệm vụ khác như xúc tiến thương mại; tiết kiệm năng lượng; phát triển công nghiệp hỗ trợ... vì vậy có một số tên gọi khác nhau như: Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn tiết kiệm năng lượng, Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến công thương, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công thương... Kinh phí hoạt động của các Trung tâm này chủ yếu do ngân sách Nhà nước cấp và nguồn thu từ hoạt động tư vấn và các hoạt động khác.

3. Về hệ thống cộng tác viên khuyến công và các tổ chức dịch vụ khuyến công khác

Đến nay, cả nước có 107 huyện có hệ thống mạng lưới cộng tác viên cấp huyện (quận, huyện, thị xã, thành phố) và 261 xã có cộng tác viên cấp xã (xã, phường, thị trấn). Ở cấp huyện, chủ yếu là cán bộ Phòng Kinh tế/ Kinh tế hạ tầng làm kiêm nhiệm công tác khuyến công. Ở cấp xã, khuyến công viên phần lớn là cán bộ Hội phụ nữ, Hội nông dân, Đoàn thanh niên được bố trí kiêm nhiệm. Tiền thù lao, phụ cấp trả cho đội ngũ khuyến công viên cấp huyện, cấp xã được chi trả từ ngân sách địa phương.

4. Hoạt động phối hợp với các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội và các tổ chức khác để thực hiện hoạt động khuyến công

Ở Trung ương, Bộ Công Thương đã chỉ đạo Cục CTĐP ký kết các hợp đồng thực hiện đề án KCQG với nhiều tổ chức đoàn thể chính trị xã hội, tổ chức dịch vụ khuyến công trong và ngoài Bộ Công Thương để huy động thêm nguồn

lực tham gia và phối hợp triển khai hiệu quả các hoạt động khuyến công như: Liên Minh Hợp tác xã, Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa, Hiệp hội làng nghề Việt Nam, các trường Đại học, Cao đẳng... Ở địa phương, Sở Công Thương các tỉnh, thành phố cũng đã phối hợp với các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tình đoàn, , cơ sở dạy nghề, cơ quan thông tin truyền thông địa phương trên địa bàn... tích cực xây dựng và triển khai các đề án khuyến công đạt hiệu quả cao.

5. Thực hiện một số nhiệm vụ quản lý Nhà nước khác

5.1. Đối với Bộ Công Thương

a) Sau khi Quyết định số 1288/QĐ-TTg được ban hành, Bộ Công Thương đã tích cực phối hợp với các Bộ, ban, ngành ở Trung ương, UBND các tỉnh, thành phố để tổ chức triển khai thực hiện Quyết định số 1288/QĐ-TTg: Xây dựng hoặc phối hợp các đơn vị có liên quan xây dựng trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về công tác khuyến công và ban hành nhiều văn bản hướng dẫn các địa phương, đơn vị triển khai thực hiện;

b) Phối hợp với UBND các tỉnh, thành phố trong chỉ đạo các đơn vị thuộc Bộ Công Thương, các Sở Công Thương hướng dẫn, xử lý các khó khăn, vướng mắc và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện Nghị định số 45/2012/NĐ-CP và Quyết định số 1288/QĐ-TTg;

c) Xây dựng kế hoạch ngân sách kinh phí KCQG hàng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện. Trong 6 năm triển khai thực hiện Quyết định số 1288/QĐ-TTg, Bộ Công Thương luôn đề cao trách nhiệm trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác khuyến công; thường xuyên kiểm tra, rà soát, đánh giá và cải tiến phương pháp quản lý, tổ chức thực hiện nhằm sử dụng nguồn kinh phí KCQG đúng mục đích, đúng chế độ và đạt hiệu quả cao;

d) Thường xuyên chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương xây dựng cơ chế chính sách, ban hành văn bản quy phạm về công tác khuyến công tại địa phương; hướng dẫn các Sở Công Thương xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý nguồn kinh phí KCĐP; xây dựng chương trình KCĐP giai đoạn đến năm 2020;

e) Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, cơ bản đáp ứng được yêu cầu chuyên môn của quản lý nhà nước về hoạt động khuyến công. Theo dõi, đánh giá và định kỳ hàng quý tổng hợp báo cáo đánh giá tình hình hoạt động khuyến công chung của cả nước để có những giải pháp điều hành thích hợp;

g) Phối hợp với Sở Công Thương các tỉnh, thành phố và đơn vị có liên quan tổ chức các đoàn kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các đề án KCQG và việc quản lý sử dụng kinh phí KCQG (trung bình 20 tỉnh/năm);

h) Định kỳ hàng năm tổ chức chuỗi sự kiện các hoạt động của ngành Công Thương tại khu vực Bắc - Trung - Nam như Hội nghị ngành Công Thương cấp khu vực; Hội nghị khuyến công cấp khu vực, Hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn tiêu biểu và Bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực hoặc cấp quốc gia. Bộ Công Thương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố đã phát động các phong trào thi đua, xét khen thưởng cho các tổ chức cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động khuyến công và tôn vinh tại các Hội nghị khuyến công cấp khu vực hàng năm.

5.2. Đối với Ủy ban nhân dân, Sở Công Thương các tỉnh, thành phố

Ở địa phương, Sở Công Thương là cơ quan giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động khuyến công trên địa bàn, Sở Công Thương đã tích cực triển khai các nhiệm vụ, cụ thể:

a) Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để quản lý hoạt động khuyến công trên địa bàn. Triển khai xây dựng và rà soát, bổ sung các quy hoạch phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; xây dựng các đề án phát triển một số ngành nghề có lợi thế, xây dựng, danh mục các ngành nghề ưu tiên, các ngành công nghiệp mũi nhọn của địa phương; phát triển các cụm công nghiệp; các chính sách ưu đãi đầu tư, khuyến khích phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề ở địa phương. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo các cơ quan chức năng giải quyết các vấn đề liên quan đến đầu tư, tài chính - tín dụng, khoa học công nghệ, thông tin - thị trường, đất đai, lao động và môi trường phục vụ phát triển công nghiệp nông thôn;

b) Sở Công Thương đã phối hợp với các Sở, ngành liên quan xây dựng kế hoạch KCĐP hàng năm, trình Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố phê duyệt và tổ chức thực hiện. Đến nay, 100% các tỉnh, thành phố đều bố trí kinh phí từ ngân sách địa phương để triển khai hoạt động khuyến công tại địa phương. Tổng kinh phí KCĐP trong 6 năm qua là 982,011 tỷ đồng, chiếm 56,51% tổng kinh phí, tăng bình quân giai đoạn là 7,65%. Bên cạnh nguồn kinh phí Ủy ban nhân dân tỉnh cấp hàng năm, nhiều huyện, thị xã của một số tỉnh cũng đã dành nguồn kinh phí từ ngân sách để tổ chức triển khai các hoạt động khuyến công trên địa bàn;

c) Sở Công Thương đã xây dựng đề án trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố thành lập Trung tâm Khuyến công trực thuộc Sở Công Thương; đồng thời đã quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ cho các Trung tâm để thực hiện tốt yêu cầu nhiệm vụ được giao;

d) Thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra nhằm tháo gỡ các khó khăn vướng mắc cho các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện hoạt động khuyến công trên địa bàn được quan tâm nhằm đảm bảo việc sử dụng kinh phí khuyến công đúng mục đích, có hiệu quả và đạt các mục tiêu đã đề ra.

5.3 Đối với các Bộ ban ngành có liên quan

a) Bộ Tài chính

Sau khi Quyết định số 1288/QĐ-TTg được Thủ tướng Chính phủ ban hành, Bộ Tài chính đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tích cực triển khai thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao, cụ thể:

- Tích cực phối hợp với Bộ Công Thương và UBND các tỉnh, thành phố phổ biến, hướng dẫn và tham gia tập huấn về việc lập, quản lý sử dụng kinh phí KCQG và KCĐP;

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương xây dựng và ban hành Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 thay thế Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18 tháng 2 năm 2014 của Bộ Tài chính, Bộ Công Thương hướng dẫn trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí KCQG và kinh phí KCĐP; hướng dẫn các địa phương xây dựng văn bản quy phạm pháp luật ở địa phương về quản lý và sử dụng kinh phí KCĐP;

- Đảm bảo kinh phí từ ngân sách nhà nước cho hoạt động khuyến công và tăng dần qua các năm, trung bình khoảng 107,96 tỷ đồng/năm; Phối hợp với Bộ Công Thương trong hướng dẫn, kiểm tra giám sát, quyết toán việc sử dụng kinh phí KCQG hàng năm;

b) Một số Bộ, ngành khác: Một số Bộ, ngành như Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Khoa học và Công nghệ, Ngân hàng nhà nước Việt Nam... đã chủ động lồng ghép các Chương trình mục tiêu khác để phối hợp thực hiện như Chương trình "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020", Chương trình Khuyến nông quốc gia cho phát triển các vùng nguyên liệu nông, lâm, thủy sản tạo nguồn lực cho phát triển công nghiệp chế biến, Chương trình xây dựng các mô hình ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế xã hội nông thôn miền núi...

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG KHUYẾN CÔNG THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 1288/QĐ-TTG

1. Kết quả thực hiện theo các tiêu chương trình:

a) Chương trình hỗ trợ đào tạo nghề, truyền nghề và nâng cao tay nghề

Trong những năm qua, Bộ Công Thương đã chỉ đạo rà soát chương trình, đề án về đào tạo nghề, hạn chế tối đa tỷ lệ hỗ trợ đối với nội dung này nhằm giảm bớt sự trùng lặp, chồng chéo với Chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; chỉ thực hiện hỗ trợ hoạt động đào tạo nghề, truyền nghề chủ yếu bằng hình thức đào tạo tại chỗ, ngắn hạn (dưới 1 năm) gắn với nhu cầu lao động thực tế của các doanh nghiệp, cơ sở CNNT. Kết quả, đã tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề, nâng cao tay nghề cho 18.400 lao động (*đạt 13,14% mục tiêu giai đoạn*). Trong đó: đào tạo nghề, tạo việc làm mới cho khoảng 18.000 lao động. Do các đề án đào tạo nghề đều gắn với nhu cầu sử dụng lao động của các cơ sở CNNT, nên hầu hết lao động đều có

việc làm ổn định sau đào tạo (tỷ lệ lao động có việc làm sau đào tạo trung bình đạt trên 90%).

b) Chương trình hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý cho các cơ sở CNNT

Nhằm hỗ trợ tích cực cho các cấp quản lý của các cơ sở CNNT nâng cao kỹ năng quản trị doanh nghiệp, kỹ năng lãnh đạo, điều hành các tổ nhóm sản xuất; nâng cao nhận thức và các kỹ năng áp dụng quy chuẩn trong sản xuất, Chương trình đã tổ chức các lớp đào tạo nâng cao năng lực quản lý cán bộ; quản lý, điều hành sản xuất cho 13.985 học viên (*đạt 99,89% mục tiêu giai đoạn*); đào tạo nâng cao nhận thức và khả năng áp dụng hệ thống quản lý chất lượng HACCP, ISO 22000; áp dụng các công cụ nâng cao năng suất chất lượng như 5s, Kaizen; đào tạo, tập huấn, hội nghị về sản xuất sạch hơn... cho các cơ sở CNNT.

c) Chương trình hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyên giao công nghệ và tiên bộ khoa học kỹ thuật

Đây là chương trình trọng tâm trong hoạt động khuyến công, được nhiều địa phương quan tâm tổ chức thực hiện, nhằm khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, đổi mới thiết bị, công nghệ, nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao khả năng cạnh tranh cho các cơ sở CNNT. Trong giai đoạn từ năm 2014-2020, chương trình đã hỗ trợ xây dựng 261 mô hình trình diễn kỹ thuật sản xuất sản phẩm mới, công nghệ mới (*tăng 30,5% so với mục tiêu giai đoạn*); hỗ trợ cho 1.121 cơ sở CNNT chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiên bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp (ứng dụng máy móc tiên tiến) (*tăng 31,88 % so với mục tiêu giai đoạn*); nhằm nâng cao được năng suất, chất lượng sản phẩm, hiệu quả sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, giảm thiểu ô nhiễm môi trường so với máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ cơ sở sản xuất đang sử dụng hoặc tạo ra sản phẩm mới.

Một số ngành nghề được tập trung hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyên giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến gồm: khuyến khích cơ giới hoá trong sản xuất tiểu thủ công nghiệp để tăng năng suất, chất lượng sản phẩm; khuyến khích các cơ sở công nghiệp đầu tư chế biến nông, lâm, thủy sản; sản xuất, gia công, sửa chữa cơ khí phục vụ nông nghiệp, nông thôn; sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu; đầu tư xử lý nước thải, rác thải trong các cụm công nghiệp; xử lý ô nhiễm môi trường của các doanh nghiệp chế biến thực phẩm;...

d) Chương trình hỗ trợ phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu; tư vấn, trợ giúp các cơ sở CNNT

Giai đoạn 2014-2020, chương trình đã tổ chức thành công 21 hội chợ triển lãm hàng CNNT tiêu biểu cấp khu vực; 12 cuộc bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp khu vực và 03 cuộc bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp quốc gia.

Chương trình đã tôn vinh 950 sản phẩm cấp khu vực và 312 sản phẩm cấp quốc gia có chất lượng, có tiềm năng phát triển sản xuất, mở rộng thị trường. Hỗ trợ 48 cơ sở CNNT xây dựng, đăng ký thương hiệu sản phẩm nhằm nâng cao giá trị cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường. Hỗ trợ hơn 5.500 lượt cơ sở CNNT tham gia hội chợ triển lãm trong nước và ngoài nước (*tăng gần 200% so với mục tiêu giai đoạn*). Hỗ trợ thành lập 01 phòng trưng bày, giới thiệu quảng bá sản phẩm hàng công nghiệp và tiêu thủ công nghiệp khu vực phía Bắc, hơn 30 cơ sở CNNT đầu tư phòng trưng bày sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực và cấp quốc gia.

Năm 2014-2020, chương trình đã hỗ trợ thuê 362 gian hàng cho các cơ sở CNNT tham gia 03 hội chợ được tổ chức thường niên tại nước ngoài (Đức, Hồng Kông, Trung Quốc). Đây là hoạt động xúc tiến thương mại nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, đóng vai trò quan trọng trong quảng bá sản phẩm và thương hiệu của các cơ sở CNNT Việt Nam, mở rộng thị trường xuất khẩu.

Chương trình đã hỗ trợ 219 cơ sở CNNT với các nội dung về tư vấn quản lý sản xuất và thành lập doanh nghiệp sản xuất tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn của một số tỉnh như Nghệ An, Quảng Bình,.. bao gồm: hoàn thiện kế hoạch kinh doanh khả thi, dự án thành lập doanh nghiệp và chi phí liên quan đến đăng ký thành lập doanh nghiệp.

e) Chương trình hỗ trợ cung cấp thông tin về các chính sách phát triển công nghiệp, khuyến công

Giai đoạn 2014 - 2020 công tác thông tin tuyên truyền được duy trì và ngày càng nâng cao về chất lượng. Ở Trung ương, Cục CTĐP định kỳ xuất bản 1.200 cuốn/tháng Bản tin Khuyến công; phối hợp với các đơn vị báo chí: Đài Truyền hình Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, Báo Công Thương, Tạp chí Công Thương, Thời báo làng nghề Việt, Tạp chí công nghiệp và tiêu dùng... thông tin tuyên truyền, quảng bá về hoạt động khuyến công nhằm hỗ trợ, thúc đẩy thu hút đầu tư vào các lĩnh vực công thương địa phương; tạo cầu nối tiêu thụ sản phẩm và cung cấp dịch vụ của địa phương với thị trường trong và ngoài nước. Hỗ trợ cho các cơ sở CNNT có sản phẩm đạt giải sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp quốc gia xây dựng mới 412 Website/ phần mềm ứng dụng giải pháp quản lý sản xuất, truy xuất nguồn gốc sản phẩm cho các cơ sở công nghiệp nông thôn; xây dựng trang tin khuyến công điện tử www.khuyencongonline.gov.vn; tiếp tục duy trì trang thông tin điện tử www.ipcl.gov.vn. Ngoài ra, xây dựng và in ấn một số tài liệu, ấn phẩm phục vụ cho công tác khuyến công; Biên tập và in ấn catalogue sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp quốc gia; Biên tập và in ấn Sổ tay công thương...

g) Chương trình hỗ trợ liên doanh, liên kết hợp tác kinh tế và phát triển các cụm công nghiệp

Giai đoạn 2014 - 2020, chương trình hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết (QHCT) và hỗ trợ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp (CCN) cho 21 địa phương. Tổng số có

57 CCN được hỗ trợ với tổng kinh phí đã hỗ trợ là 78,28 tỷ đồng; trong đó có 31 đề án hỗ trợ lập QHCT, 26 đề án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng. Sau khi hỗ trợ, nhiều CCN đã triển khai đầu tư hạ tầng, tạo mặt bằng thu hút các doanh nghiệp, cơ sở CNNT đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm; tạo việc làm cho lao động nông thôn. Các doanh nghiệp, cơ sở CNNT hoạt động tại các CCN bước đầu đã thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách cho nhà nước hàng năm.

h) Chương trình hỗ trợ hợp tác quốc tế về khuyến công

Chương trình đã tổ chức 18 đoàn công tác học tập, nghiên cứu chính sách phát triển công nghiệp địa phương cho các cán bộ Cục CTĐP, đại diện Lãnh đạo Sở Công Thương, Trung tâm khuyến công và đại diện cơ sở CNNT một số tỉnh, thành phố tại nhiều nước trong khu vực và trên thế giới: Nhật Bản, Ấn Độ, Đức, Pháp, Malaysia, Singapore, Myanmar, Trung Quốc, Indonexia, Philipine, Hồng Kong.....

i) Chương trình hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động khuyến công

Hàng năm, chương trình đã tổ chức 03 Hội nghị khuyến công vùng tại 03 khu vực Bắc - Trung - Nam; tổ chức một số Hội nghị với chuyên đề về hoạt động phát triển cụm công nghiệp; tổ chức được các Hội nghị lấy ý kiến góp ý của các địa phương và đơn vị có liên quan về việc sửa đổi bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về khuyến công. Xây dựng được chương trình khung đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ làm công tác khuyến công thống nhất phục vụ cho việc phát triển CNNT. Hàng năm, đã tổ chức các chương trình kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, thanh quyết toán các đề án KCQG; hướng dẫn thực hiện hoạt động khuyến công trên địa bàn cả nước.

k) Các hoạt động khuyến công khác

Ngoài các hoạt động khuyến công trên, một số địa phương còn thực hiện một số nội dung hoạt động khác để hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn như: hỗ trợ lãi suất sau đầu tư; hỗ trợ vốn cho các cơ sở CNNT đầu tư sản xuất kinh doanh có thu hồi; hỗ trợ xây dựng các dự án phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật cho các Trung tâm, điểm tư vấn khuyến công.

2. Kết quả huy động các nguồn lực thực hiện

Trong giai đoạn 2014 - 2020, tổng kế hoạch kinh phí khuyến công của cả nước đã được phê duyệt là 1.737,73 tỷ đồng. Trong đó: (i) Kinh phí KCQG là 755,71 tỷ đồng, chiếm 43,49% tổng kinh phí, đạt 62,35% so với kinh phí KCQG dự kiến theo kế hoạch tại Quyết định số 1288/QĐ-TTg; (ii) Kinh phí KCĐP là 982,011 tỷ đồng, chiếm 56,51% tổng kinh phí. Tổng vốn đối ứng của các tổ chức cá nhân tham gia thực hiện và thụ hưởng chương trình trong giai đoạn 2014-2020 là gần 9.500 tỷ đồng. Đây là con số đáng ghi nhận về hiệu quả đầu tư của chương trình, đặc biệt ở nội dung hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ

thuật, ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến vào sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng CCN. Trung bình cứ 01 đồng vốn từ ngân sách nhà nước thu hút được khoảng 5,5 đồng vốn đầu tư của cơ sở CNNT.

Việc bố trí kinh phí khuyến công giữa các vùng và các tỉnh trong vùng có sự khác nhau, phụ thuộc vào sự quan tâm và khả năng cân đối ngân sách của các địa phương. Tổng kinh phí khuyến công giai đoạn 2014-2020 của các vùng như sau:

a) Vùng đồng bằng Sông Hồng (gồm 11 tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hải Phòng, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Hà Nam, Nam Định, Thái Bình, Ninh Bình, Quảng Ninh). Kinh phí khuyến công của toàn vùng là 363,31 tỷ đồng, chiếm 20,91%;

b) Vùng Trung du miền núi phía Bắc (gồm 14 tỉnh, thành phố: Hà Giang, Cao Bằng, Lào Cai, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Yên Bái, Thái Nguyên, Phú Thọ, Bắc Giang, Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình). Kinh phí khuyến công của toàn vùng là 246,69 tỷ đồng, chiếm 14,2%;

c) Vùng Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung (gồm 13 tỉnh, thành phố: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận). Kinh phí khuyến công của toàn vùng là 323,12 tỷ đồng, chiếm 18,6%;

d) Vùng Tây Nguyên (gồm 5 tỉnh, thành phố: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng). Kinh phí khuyến công của toàn vùng là 126,95 tỷ đồng, chiếm 7,31%;

đ) Vùng Đông Nam Bộ (gồm 7 tỉnh, thành phố: Thành Phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Phước, Bình Dương, Bình Thuận, Tây Ninh, Đồng Nai). Kinh phí khuyến công của toàn vùng là 183,88 tỷ đồng, chiếm 10,58%;

e) Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long ((gồm 13 tỉnh, thành phố: Long An, Đồng Tháp, An Giang, Tiền Giang, Vĩnh Long, Bến Tre, Kiên Giang, Cần Thơ, Hậu Giang, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau). Kinh phí khuyến công của toàn vùng là 220,11 tỷ đồng, chiếm 12,67%;

Kinh phí khuyến công bình quân giai đoạn của các địa phương là 27,58 tỷ đồng. Kinh phí cao nhất là các tỉnh, thành phố thuộc Vùng Đồng bằng Sông Hồng: 33,03 tỷ đồng/tỉnh; Vùng Đông Nam Bộ là 26,27 tỷ đồng/tỉnh; vùng có kinh phí khuyến công bình quân ít nhất là Vùng Trung du miền núi phía Bắc: 17,62 tỷ đồng/tỉnh, Vùng Bắc Trung Bộ và Duyên Hải Miền Trung: 24,86 tỷ đồng/tỉnh. Trong giai đoạn năm 2014-2020, cả nước có 18/63 tỉnh, thành phố có số kinh phí khuyến công lớn hơn mức bình quân cả nước như: Hà Nội: 116,49 tỷ đồng, Lâm Đồng: 76,05 tỷ đồng, Đồng Nai: 52,05 tỷ đồng, Quảng Nam: 46,88 tỷ đồng, ...tỉnh có số kinh phí khuyến công dưới 6 tỷ đồng Cần Thơ (3,8 tỷ đồng),...

Một số địa phương đã dành ngân sách cấp huyện, cấp xã cho hoạt động khuyến công, tuy nhiên số kinh phí này chưa nhiều.

Các đơn vị được giao quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công đã bám sát các chế độ, quy định hiện hành để đảm bảo quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ và có hiệu quả cao nhất.

3. Kết quả thực hiện một số nội dung khác theo Quyết định số 1288/QĐ-TTg

a) Chính sách đất đai: Các tỉnh, thành phố đều đã quan tâm xây dựng các cơ chế, chính sách và tư vấn hỗ trợ thủ tục cho các cơ sở CNNT trong thuê đất như: Miễn, giảm tiền sử dụng đất; miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước của Nhà nước; hỗ trợ tập trung đất đai; ưu tiên thuê đất để di dời cơ sở sản xuất vào các khu, cụm công nghiệp, thế chấp đầu tư, hỗ trợ lãi suất đầu tư...; tạo điều kiện lồng ghép với triển khai có hiệu quả các hoạt động khuyến công.

b) Chính sách ưu đãi đầu tư: Trên cơ sở các chính sách ưu đãi đầu tư của Chính phủ, các Bộ ngành, nhiều địa phương đã xây dựng và ban hành các chính sách riêng về ưu đãi, thu hút đầu tư, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Cán bộ làm công tác khuyến công cũng đã hỗ trợ, tư vấn miễn phí cho các cơ sở CNNT về thủ tục để được hưởng các chính sách ưu đãi đầu tư; chủ yếu là ưu đãi về tín dụng, thời gian sử dụng đất và khấu hao tài sản, thực hiện thuế thu nhập doanh nghiệp.

c) Chính sách khoa học và công nghệ: Nhiều địa phương đã ban hành cơ chế chính sách riêng để khuyến khích các hoạt động đầu tư đổi mới công nghệ, giúp đánh giá quá trình đổi mới công nghệ của doanh nghiệp, cơ sở CNNT. Trong đó, chính sách khuyến công đã góp phần hỗ trợ đặc biệt tích cực cho các cơ sở CNNT được tiếp cận, thụ hưởng từ chính sách công nghệ tự động hóa, công nghệ thông tin...

d) Chương trình cơ bản đã hoàn thành việc xây dựng cơ sở dữ liệu, phần mềm phục vụ công tác thống kê số liệu và theo dõi quản lý chương trình, kế hoạch khuyến công trên phạm vi cả nước.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả chính đạt được

Qua 6 năm triển khai thực hiện Quyết định số 1288/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình KCQG đến năm 2020, hoạt động khuyến công cả nước đã có bước phát triển đáng kể. Một số mặt chính đạt được như sau:

a) Những mục tiêu của hoạt động khuyến công tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP của Chính phủ và Chương trình tại Quyết định số 1288/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đã và đang được thực hiện, khẳng định được vai trò quan trọng trong phát triển công nghiệp nông thôn và quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Các hoạt động khuyến công đã thực hiện tốt mục

tiêu huy động các nguồn lực tham gia hoặc hỗ trợ các tổ chức, các nhân đầu tư sản xuất công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp và các dịch vụ khuyến công, góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp tạo việc làm, tăng thu nhập, thực hiện phân công lại lao động xã hội và góp phần xây dựng nông thôn mới; đồng thời khuyến khích, hỗ trợ sản xuất sạch hơn tại các cơ sở sản xuất công nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu; giảm thiểu phát thải và hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm; bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường, sức khỏe con người. Hỗ trợ, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp một cách bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh, thực hiện có hiệu quả lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Theo số liệu của Ban Kinh tế trung ương tại Hội nghị sơ kết Chương trình KCQG giai đoạn 2014-2018, giá trị sản xuất công nghiệp nông thôn tăng bình quân 12,7%/năm trong những năm qua, cao hơn mức tăng trưởng chung của toàn ngành công nghiệp. Để có được kết quả trên, ngành Công Thương đã có nhiều cố gắng trong triển khai công tác khuyến công, từ đó hình thành và vận hành hệ thống khuyến công từ trung ương đến địa phương; triển khai số lượng lớn đề án với nội dung thiết thực, hiệu quả.

b) Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động khuyến công từ Trung ương tới địa phương đã từng bước được hoàn thiện. Thông qua hoạt động khuyến công, vai trò, vị trí của các cơ quan quản lý Nhà nước về Công Thương địa phương được nâng cao, tạo sự gắn kết giữa các cơ quan quản lý Nhà nước với cộng đồng doanh nghiệp, cơ sở CNNT.

c) Hệ thống tổ chức thực hiện công tác khuyến công được thiết lập và bước đầu hoạt động khá hiệu quả và dần ổn định. Các Trung tâm Khuyến công ngày càng được quan tâm đầu tư về biên chế, bộ máy, cơ sở vật chất, trang thiết bị và phương tiện làm việc. Hoạt động liên kết, phối hợp ngang giữa các Trung tâm khuyến công cấp tỉnh với nhau và với các tổ chức dịch vụ khuyến công khác đã hình thành mạng lưới hoạt động ngày càng có hiệu quả.

d) Nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho hoạt động khuyến công ngày càng tăng (năm 2015 tăng 17,07%, năm 2016 tăng 14,66%, năm 2017 tăng 4,72%, năm 2018 tăng 14,39%, năm 2019 tăng 1%, năm 2020 tăng 6%); tốc độ tăng bình quân cả giai đoạn là 9,59%/năm và đã thu hút được 9.500 tỷ đồng vốn đầu tư của các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện chương trình.

e) Các hoạt động khuyến công nhất là hoạt động xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyên gia công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, hoạt động đào tạo nghề gắn với nhu cầu doanh nghiệp... đã góp phần gia tăng giá trị sản xuất CNNT, tạo việc làm cho lao động nông thôn đặc biệt ở những vùng kinh tế khó khăn.

g) Nhận thức của các cấp, các ngành, của cộng đồng doanh nghiệp về vai trò, vị trí hoạt động khuyến công đã ngày càng được nâng cao. Hoạt động khuyến công đã góp phần tích cực tham gia thực hiện các chính sách, giải pháp của Đảng, Nhà nước về phát triển công nghiệp khu vực nông thôn.

2. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được như trên, hoạt động khuyến công thời gian qua còn có một số mặt hạn chế, tồn tại cần khắc phục như sau:

a) Chương trình khuyến công được triển khai với các nội dung đa dạng, đáp ứng được nhu cầu cần hỗ trợ của các cơ sở công nghiệp nông thôn, tuy nhiên vẫn có một số nội dung chưa được triển khai sâu rộng, có địa phương chưa triển khai được nhiều nội dung hỗ trợ để thúc đẩy doanh nghiệp, cơ sở CNNT phát triển đồng bộ từ khâu sản xuất đến quảng bá, tiêu thụ sản phẩm.

b) Công tác chỉ đạo, lãnh đạo của các cấp chính quyền địa phương đối với các hoạt động khuyến công tuy đã được tăng cường nhưng ở một số địa phương còn chưa được quan tâm đầy đủ. Công tác phối hợp giữa các Sở, ngành, các đơn vị liên quan ở một số địa phương đối với hoạt động khuyến công chưa thật sự khăng khít. Đội ngũ cán bộ, viên chức của một số Trung tâm Khuyến công còn yếu về chất lượng, nhất là trong lĩnh vực tư vấn phát triển công nghiệp, xây dựng và trực tiếp tổ chức thực hiện đề án khuyến công. Hệ thống cán bộ làm công tác khuyến công cấp huyện, cấp xã tại nhiều địa phương chưa hình thành, nên việc khai thác, triển khai các đề án khuyến công còn khó khăn.

c) Theo Quyết định số 1288/QĐ-TTg, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cân đối bố trí vốn đầu tư phát triển thuộc ngân sách trung ương dành cho đầu tư xây dựng trụ sở, trang thiết bị cho Trung tâm KCQG và chi hỗ trợ đầu tư xây dựng trụ sở, trang thiết bị cho Trung tâm khuyến công của các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình khuyến công; tuy nhiên, nội dung này đến nay chưa được quan tâm triển khai thực hiện. Bên cạnh đó, nhiều địa phương mặc dù đã xây dựng trụ sở, cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện làm việc cho các Trung tâm khuyến công song chưa đầu tư nâng cấp theo hướng chuyên nghiệp để triển khai thực hiện hoạt động khuyến công đạt hiệu quả cao.

Tổng nguồn lực của Chương trình tuy đã được quan tâm bố trí nhưng chưa đủ sức hấp dẫn đối với các doanh nghiệp, cơ sở CNNT trong đầu tư, phát triển sản xuất tại địa phương. Khoản kinh phí khuyến công mà cơ sở CNNT được hỗ trợ để chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, xây dựng mô hình trình diễn phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới phải tính thuế thu nhập doanh nghiệp, làm giảm sức hấp dẫn của chương trình.

3. Nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại

Những hạn chế, tồn tại trên là do những nguyên nhân chủ yếu sau đây:

a) Các nội dung trong văn bản quy phạm pháp luật về khuyến công đã có hướng dẫn quy trình, thủ tục triển khai, tuy nhiên cần chi tiết, cụ thể hơn đối với một số nội dung đặc thù; đồng thời do mức kinh phí hỗ trợ còn thấp chưa thực sự thu hút được các doanh nghiệp, các cơ sở công nghiệp nông thôn mạnh dạn đầu tư, cải tiến.

b) Đội ngũ cán bộ, viên chức của Trung tâm Khuyến công còn thiếu về số lượng và một số nơi còn yếu về chất lượng, nhất là trong lĩnh vực tư vấn hướng dẫn phát triển công nghiệp nông thôn, xây dựng và trực tiếp tổ chức thực hiện đề án khuyến công. Hệ thống cán bộ làm công tác khuyến công tại cấp huyện, xã chưa có nên việc nắm bắt nhu cầu, triển khai các đề án khuyến công còn khó khăn. Bên cạnh đó cán bộ làm công tác khuyến công, nhất là cán bộ chủ chốt các Trung tâm khuyến công thường xuyên có biến động, luân chuyển, vì vậy chưa có điều kiện tích lũy kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực này.

c) Việc đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị làm việc cho các Trung tâm khuyến công tuy đã được quan tâm đầu tư nhưng có nơi còn chưa đầy đủ, gây khó khăn cho hoạt động chuyên môn và quá trình trực tiếp triển khai thực hiện các hoạt động theo nhiệm vụ được giao.

d) Ở một số địa phương, cơ chế cấp phát, quản lý, quyết toán kinh phí KCĐP còn phức tạp và chưa thống nhất. Định mức hỗ trợ kinh phí khuyến công ở một số nội dung còn thấp, thiếu hấp dẫn, khó khăn cho quá trình triển khai. Đến nay, vẫn có địa phương chưa bố trí ngân sách cho hoạt động khuyến công.

e) Công tác thông tin tuyên truyền về chính sách khuyến công còn hạn chế, chưa đa dạng. Nhận thức của một bộ phận cán bộ, chính quyền và các ban ngành địa phương về hoạt động khuyến công còn chưa đầy đủ, thiếu thống nhất. Nhiều đối tượng thụ hưởng chính sách khuyến công chưa tiếp cận được đầy đủ thông tin và chính sách của nhà nước về khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn.

PHẦN II

MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC KHUYẾN CÔNG TRONG THỜI GIAN TỚI

I. Mục tiêu, định hướng chương trình giai đoạn 2021-2025

1. Bối cảnh tình hình

Trong 6 năm qua, trên cơ sở các nội dung của Chương trình, kế hoạch khuyến công với nguồn ngân sách hỗ trợ khoảng hơn 250 tỷ đồng/năm (bao gồm cả kinh phí trung ương và địa phương) nhìn chung đã động viên và huy động các nguồn lực tham gia hoặc hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tạo việc làm, tăng thu nhập, thực

hiện phân công lại lao động xã hội và góp phần xây dựng nông thôn mới; khuyến khích, hỗ trợ sản xuất sạch hơn tại các cơ sở sản xuất công nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu; giảm thiểu phát thải và hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm; bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường, sức khỏe con người; hỗ trợ, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp một cách bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh, thực hiện có hiệu quả lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Tuy nhiên, Kết luận số 54-KL/TW ngày 07 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn cũng chỉ ra rằng, đến nay, khu vực nông thôn phát triển chưa bền vững, năng suất lao động còn thấp; chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nhiều sản phẩm còn hạn chế. Nông thôn phát triển chưa đồng đều, kết nối kinh tế nông thôn - đô thị yếu; cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Một số địa phương chủ yếu tập trung phát triển cơ sở hạ tầng, chưa quan tâm đúng mức tới phát triển sản xuất, kinh doanh, nâng cao thu nhập của người dân, bảo vệ môi trường sinh thái. Cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động nông thôn chuyển dịch chậm so với yêu cầu đặt ra. Trình độ khoa học và công nghệ còn thấp, nhất là so với các nước tiên tiến trong khu vực.

Bên cạnh đó, đất nước chuẩn bị bước vào một giai đoạn phát triển kinh tế xã hội mới, trong năm năm tới, Việt Nam hội nhập quốc tế sâu, rộng hơn sẽ phải thực hiện đầy đủ, hiệu quả các cam kết khi tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Với tình hình thế giới và trong nước có cả thuận lợi, thời cơ và khó khăn thách thức đan xen đặt ra nhiều vấn đề mới, yêu cầu mới nặng nề, phức tạp. Tuy nhiên, việc tham gia vào các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP, EVFTA,... có tác động tích cực tới kinh tế Việt Nam. Chính phủ không ngừng nỗ lực cải thiện môi trường kinh doanh để thu hút đầu tư nước ngoài, cũng như đầu tư từ khu vực tư nhân. Nhu cầu tiêu dùng trong nước sẽ tiếp tục được cải thiện trong bối cảnh kinh tế tăng trưởng khả quan, niềm tin tiêu dùng được cải thiện khi thu nhập có xu hướng tăng và lạm phát được duy trì ở mức thấp. Ngành công nghiệp chế biến chế tạo tiếp tục được dự báo là động lực thúc đẩy tăng trưởng sản xuất nhờ sự mở rộng đầu tư của khu vực doanh nghiệp FDI và sự tham gia sâu hơn của các doanh nghiệp Việt Nam vào các chuỗi cung ứng trong nước và khu vực.

Trước diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường của tình hình thế giới do tác động mạnh mẽ, sâu rộng của đại dịch Covid -19 trong thời gian vừa qua, sản xuất công nghiệp trong thời gian tới được dự báo cũng đối mặt với nhiều khó khăn như: Hoạt động thương mại trên thế giới nhiều khả năng sẽ tiếp tục chậm lại; Hàng hóa sản xuất trong nước, đặc biệt là các mặt hàng tiêu dùng sẽ phải chịu sự cạnh tranh gay gắt với hàng nhập khẩu theo lộ trình giảm thuế của các hiệp định thương mại tự do, sự thâm nhập sâu rộng hơn của các doanh nghiệp nước ngoài vào hệ thống phân phối của Việt Nam sẽ tạo áp lực cạnh

tranh lớn ngay trên thị trường nội địa; Chi phí đầu vào sản xuất tiếp tục có xu hướng tăng như: lương tối thiểu, bảo hiểm xã hội, chi phí điện, nước...tăng. Đặc biệt, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 sẽ là thách thức không nhỏ với sản xuất công nghiệp, làm thay đổi nhận thức, tư duy sáng tạo và chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; nếu không bắt kịp các xu hướng mới, ngành công nghiệp Việt Nam sẽ bị tụt hậu. Những khó khăn khác bao gồm tác động phức tạp của biến đổi khí hậu, gian lận thương mại, tài chính và sự suy giảm của các nguồn lực tự nhiên sau một thời gian khai thác quá mức.

Để tiếp tục triển khai có hiệu quả các chủ trương của Đảng và Nhà nước về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới theo tinh thần Kết luận số 54-KL/TW; khắc phục những nguyên nhân của bất cập, hạn chế thời gian qua, đồng thời tiếp tục cụ thể hóa nội dung của Nghị định số 45/2012/CP-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công trong giai đoạn mới, Bộ Công Thương đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1881/QĐ-TTg ngày 20 tháng 11 năm 2020 phê duyệt Chương trình KCQG giai đoạn 2021 - 2025. Chương trình được ban hành nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động khuyến khích phát triển CNNT giai đoạn 2021 - 2025, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn. Tại địa phương, đến nay đã có 44/ 63 tỉnh, thành phố ban hành Chương trình KCĐP giai đoạn 2021-2025; có 13/63 tỉnh, thành phố đang xây dựng.

Nhằm đẩy mạnh, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ hoạt động khuyến công, tạo động lực mới cho phát triển công nghiệp nông thôn giai đoạn tới theo đúng tinh thần, nội dung, quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP, Quyết định số 1881/QĐ-TTg, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ban hành chỉ thị số 04/CT-BCT ngày 19 tháng 02 năm 2021 về việc đẩy mạnh các hoạt động khuyến công, tạo động lực mới cho phát triển công nghiệp nông thôn giai đoạn 2021-2025 tới UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, đến các Sở Công Thương, các đơn vị thuộc Bộ Công Thương. Qua đó, tạo sự quyết liệt trong triển khai các hoạt động khuyến công từ Trung ương đến địa phương và trong toàn ngành công thương.

2. Mục tiêu Chương trình khuyến công giai đoạn 2021-2025.

2.1. Mục tiêu chung

- Huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực, tạo động lực mới thúc đẩy phát triển sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, góp phần xây dựng nông thôn mới và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa;

- Khuyến khích chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ, sản xuất sạch hơn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, bảo vệ môi trường và sức khỏe con người, hướng đến mục tiêu tăng trưởng xanh, phát triển bền vững;

- Thúc đẩy hoạt động kết nối giao thương các sản phẩm công nghiệp nông thôn; hình thành các sản phẩm, nhóm sản phẩm có sức cạnh tranh cao đáp ứng nhu cầu thị trường, đặc biệt là thị trường xuất khẩu. Tăng tỷ trọng chế biến sâu, chế biến tinh trong các sản phẩm công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản; gia tăng giá trị và nâng hàm lượng công nghệ cao trong các sản phẩm công nghiệp, tiêu thủ công nghiệp;

- Tạo điều kiện cho các cơ sở công nghiệp nông thôn thuận lợi trong tiếp cận các cơ hội phát triển kinh tế số, nâng cao năng suất chất lượng, năng lực cạnh tranh và thực hiện có hiệu quả lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế;

- Các địa phương thực hiện được các đề án KCQG điểm có tác động lan tỏa, hỗ trợ sản xuất các sản phẩm có tiềm năng, lợi thế cạnh tranh của quốc gia, vùng, địa phương.

3. Mục tiêu cụ thể

- Xây dựng được 340 mô hình trình diễn kỹ thuật; chuyển giao công nghệ. Ứng dụng được 1.600 máy móc thiết bị và 300 dây chuyền công nghệ tiên tiến vào sản xuất công nghiệp-tiêu thủ công nghiệp. Đánh giá sản xuất sạch hơn cho 300 cơ sở công nghiệp nông thôn; xây dựng mô hình thí điểm về sản xuất sạch hơn cho 100 cơ sở công nghiệp nông thôn. Hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường cho 50 cơ sở công nghiệp nông thôn;

- Tổ chức được 03 kỳ bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp quốc gia, 02 kỳ bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực. Hỗ trợ 350 cơ sở công nghiệp nông thôn xây dựng, đăng ký nhãn hiệu sản phẩm. Hỗ trợ tổ chức được 15 hội chợ triển lãm trong nước, 5 hội chợ triển lãm tại nước ngoài và hỗ trợ cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia 45 hội chợ triển lãm trong nước, 13 hội chợ tại nước ngoài để trưng bày, giới thiệu, quảng bá sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu các cấp, hàng thủ công mỹ nghệ.

- Hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cho 50 cụm công nghiệp. Hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường cho khoảng 60 cụm công nghiệp. Hình thành cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trong lĩnh vực sản xuất, chế biến;

- Đào tạo nghề nghiệp cho 10.000 lao động theo nhu cầu của các cơ sở công nghiệp nông thôn gắn với yêu cầu của thị trường; khoảng 500 cán bộ quản lý, kỹ thuật, thợ giỏi, nghệ nhân tiêu thủ công nghiệp. Đào tạo, bồi dưỡng khoảng 300 giảng viên, báo cáo viên, đội ngũ cán bộ chuyên sâu về sản xuất sạch hơn. Đào tạo khởi sự kinh doanh, quản trị doanh nghiệp, nhận thức và năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn cho khoảng 15.000 học viên. Hỗ trợ thành lập doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nông thôn tại các địa bàn khó khăn và đặc biệt khó khăn;

- Tăng cường tư vấn, trợ giúp thông tin cho cơ sở công nghiệp nông thôn. Đa dạng hóa các hình thức thông tin truyền thông; tăng mạnh số lượng các cơ sở công nghiệp nông thôn nắm bắt và chủ động tham gia chương trình;

- Nâng cao năng lực và tổ chức thực hiện cho cán bộ, cộng tác viên khuyến công. Tạo lập hệ thống cơ sở dữ liệu thống nhất từ trung ương đến địa phương, kết nối, liên thông, chia sẻ, khai thác sử dụng dữ liệu về khuyến công nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.

III. Giải pháp thực hiện.

1. Về cơ chế chính sách

a) Tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện các nội dung hoạt động khuyến công theo Nghị định số 45/2012/NĐ-CP và Chương trình KCQG giai đoạn 2021 - 2025 sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện, sửa đổi bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động khuyến công nhằm phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội nói chung, thực tiễn triển khai các nội dung chính sách khuyến công và định hướng phát triển công nghiệp của Chính phủ trong thời gian tới;

b) Cập nhật, hoàn thiện phần mềm phục vụ cho công tác thống kê số liệu và theo dõi quản lý chương trình, đề án khuyến công. Củng cố công tác báo cáo định kỳ và nâng cao chất lượng báo cáo đánh giá về hoạt động khuyến công;

c) Ban hành quy định tiêu chí, tiêu chuẩn, nội dung quy trình cung cấp dịch vụ, định mức kinh tế kỹ thuật của các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác trong đó có các hoạt động khuyến công thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

2. Về tổ chức bộ máy

a) Củng cố hoạt động của Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp 1 với vai trò là đơn vị trực tiếp triển khai các hoạt động KCQG trên địa bàn khu vực phía Bắc;

b) Đẩy mạnh công tác bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, phổ biến văn bản, quy định mới về công tác khuyến công để nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác khuyến công;

c) Nâng cao năng lực và kiện toàn tổ chức, xây dựng đội ngũ lãnh đạo, cán bộ Trung tâm khuyến công theo hướng chuyên nghiệp; tăng cường hệ thống khuyến công viên cấp huyện, xã đủ mạnh về số lượng và chất lượng.

3. Về triển khai các nội dung hoạt động khuyến công

a) Tập trung hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm các đề án khuyến công tạo nên chuỗi giá trị trong một số ngành, lĩnh vực là thế mạnh điển hình của địa

phương. Khắc phục và giảm mạnh việc khảo sát, xây dựng các đề án dàn trải, phân tán, nhỏ lẻ, hiệu quả thấp;

b) Đẩy mạnh nội dung xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyên giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến nhằm giúp các cơ sở CNNT tạo ra được những sản phẩm tiêu biểu, có chất lượng cao và có khả năng cạnh tranh với các sản phẩm khác;

c) Nâng cao năng lực tư vấn phát triển CNNT của các tổ chức dịch vụ công, tạo nguồn thu và hỗ trợ thực hiện các hoạt động khuyến công ngày càng hiệu quả hơn.

4. Về công tác phối hợp hoạt động

a) Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tiếp tục rà soát, hoàn thiện các văn bản có liên quan về hoạt động khuyến công. Phối hợp triển khai thực hiện tốt các nội dung về khuyến công giữa Bộ Công Thương với các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội;

b) Tăng cường liên kết giữa các tỉnh, thành phố trong vùng và liên kết giữa các vùng để trao đổi kinh nghiệm trong phát triển ngành và hoạt động khuyến công.

5. Về công tác thông tin tuyên truyền

a) Đổi mới, đa dạng hóa các hình thức thông tin tuyên truyền, cung cấp kịp thời thông tin về cơ chế chính sách đối với hoạt động khuyến công và phát triển công nghiệp, thương mại; trên cơ sở đó rà soát cập nhật đăng tin, bài, các văn bản pháp lý liên quan đến hoạt động khuyến công, tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp;

b) Tăng thời lượng chương trình khuyến công trên sóng truyền hình và phát thanh để thu hút được sự quan tâm của các doanh nghiệp, các cơ sở CNNT.

6. Về kinh phí

a) Tăng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho chương trình;

b) Chú trọng lồng ghép chương trình với các dự án, chương trình mục tiêu khác để khuyến khích, thu hút nguồn vốn của cá nhân, tổ chức của toàn xã hội trong và ngoài nước đầu tư phát triển CNNT;

c) Sở Công Thương tham mưu UBND tỉnh, thành phố tăng mức hỗ trợ kinh phí KCĐP đối với các huyện nghèo, địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn, xã nông thôn mới.

IV. Nhiệm vụ chủ yếu.

1. UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

- Tiếp tục nâng cao nhận thức, tăng cường trách nhiệm của các cấp, các ngành trong chỉ đạo, phối hợp, triển khai các hoạt động khuyến công trên địa bàn.

- Chỉ đạo Sở Công Thương xây dựng, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về khuyến công của địa phương phù hợp quy

định của pháp luật liên quan; ban hành và chỉ đạo triển khai hiệu quả Chương trình KCĐP giai đoạn 2021-2025 phù hợp với điều kiện của địa phương và bối cảnh tình hình mới.

- Tăng cường nguồn vốn từ ngân sách địa phương để tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công tại địa phương theo Chương trình KCQG và Chương trình KCĐP; lồng ghép, phối hợp các chương trình mục tiêu trên địa bàn để tăng hiệu quả cho hoạt động khuyến công. Huy động các nguồn lực trong và ngoài nước tham gia đầu tư sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ở khu vực nông thôn.

- Chỉ đạo công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến sâu rộng và liên tục về chủ trương, chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, chính sách khuyến công.

- Xác định rõ vai trò Sở Công Thương là cơ quan giúp UBND cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động khuyến công tại địa phương. Phân công các Sở ngành liên quan, UBND cấp huyện phối hợp, hỗ trợ Sở Công Thương trong việc thực hiện hiệu quả các hoạt động khuyến công tại địa phương.

- Tiếp tục kiện toàn, sắp xếp tổ chức khuyến công trên địa bàn theo định hướng, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, gắn với với yêu cầu nhiệm vụ của ngành Công Thương; tổ chức bộ máy theo hướng nâng cao hiệu quả hoạt động; đầu tư nâng cấp trụ sở, trang thiết bị, phương tiện làm việc cho các Trung tâm khuyến công theo hướng chuyên nghiệp; bố trí đủ biên chế; có chính sách bồi dưỡng, đào tạo nâng cao trình độ cho cán bộ làm công tác khuyến công; xây dựng đội ngũ cán bộ làm việc chuyên nghiệp, trách nhiệm, đáp ứng các yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Tổ chức khen thưởng kịp thời các tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác khuyến công tại địa phương.

2. Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

- Giám đốc Sở Công Thương tổ chức quán triệt sâu sắc vị trí, vai trò của công tác khuyến công trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; nâng cao tinh thần trách nhiệm của Lãnh đạo Sở, đội ngũ cán bộ công chức, viên chức và người lao động trong thực hiện các hoạt động khuyến công; tạo sự gắn kết giữa cơ quan quản lý nhà nước với cộng đồng doanh nghiệp, cơ sở công nghiệp nông thôn trên địa bàn.

- Hướng dẫn, chỉ đạo Trung tâm khuyến công tập trung xây dựng các đề án điểm, đề án nhóm theo hướng hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm phù hợp với tiềm năng, lợi thế của vùng, địa phương; đồng bộ với các chương trình hỗ trợ về đất đai, ưu đãi đầu tư, tín dụng và đặc biệt là khoa học và công nghệ, chuyển đổi số trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0. Thực hiện có chất lượng, hiệu quả các nội dung hoạt động, bảo đảm phát huy tối đa nguồn lực, năng lực hiện có của các cơ sở công nghiệp nông thôn.

- Kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí khuyến công đảm bảo đúng đối tượng, đúng mục đích và đúng các quy định pháp luật hiện hành.

3. Bộ Công Thương

- Phối hợp với Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các địa phương, các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội tổ chức thực hiện các nội dung hoạt động khuyến công theo Quyết định số 1881/QQĐ-TTg ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ; rà soát, báo cáo cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về khuyến công cho phù hợp với bối cảnh tình hình mới.

- Phối hợp với các cơ quan truyền thông tuyên truyền thường xuyên, rộng rãi để nhân dân, doanh nghiệp, cơ sở công nghiệp nông thôn nắm bắt và tham gia tích cực các nội dung hoạt động khuyến công.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra, giám sát các đề án KCQG hàng năm.

- Tổ chức khen thưởng kịp thời các tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác khuyến công hàng năm và theo giai đoạn./.

Chi tiết các Phụ lục kèm theo: Phụ lục 1: Biểu tổng hợp kinh phí khuyến công giai đoạn 2014 - 2020 (theo các nội dung chính của Chương trình); Phụ lục 2: Biểu tổng hợp kinh phí khuyến công giai đoạn 2014 - 2020 (Các địa phương thực hiện theo vùng kinh tế và tổ chức dịch vụ khuyến công); Phụ lục 3: Biểu tổng hợp một số kết quả chính của các hoạt động khuyến công giai đoạn 2014 - 2020; Phụ lục 4: Biểu tổng hợp về lao động, công tác viên, cơ sở vật chất kỹ thuật của Trung tâm khuyến công giai đoạn 2014 - 2020; Phụ lục 5: Biểu tổng hợp về công tác xây dựng một số VBQPPL về công tác khuyến công tại địa phương.

BỘ CÔNG THƯƠNG